

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHOÁNG SẢN Á CƯỜNG
Địa chỉ: Thôn Góc Gạo, xã Cẩm Đàn, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang
Điện thoại: 0240.222.6669

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHOÁNG SẢN Á CƯỜNG
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Kèm theo

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

Được soát xét bởi:

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI TẠI HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 59A phố Quan Hoa, quận Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại : 043 7675 603; Fax: 043 7675 604

Hà Nội, tháng 7 năm 2017

MỤC LỤC

STT	NỘI DUNG	Trang
1	Báo cáo của Ban Giám đốc	1 - 3
2	Báo cáo soát xét tài chính giữa niên độ	4 - 5
3	Báo cáo tài chính đã được soát xét	
	<i>Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2017</i>	6 - 7
	<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại ngày 30/06/2017</i>	8
	<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tại ngày 30/06/2017</i>	9
	<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính tại ngày 30/06/2017</i>	10 - 29

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHOÁNG SẢN Á CƯỜNG

Địa chỉ: Thôn Góc Gạo, xã Cẩm Đàn, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 0240.222.6669

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Á Cường, gọi tắt là “Công ty” đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến 30/06/2017.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc tại thời điểm lập Báo cáo tài chính gồm có:

Hội đồng quản trị:

- | | |
|-------------------------|------------|
| • Ông Nguyễn Xuân Thanh | Chủ tịch |
| • Bà Phạm Thị Thuý Hạnh | Thành viên |
| • Bà Vũ Thị Thu Hiền | Thành viên |
| • Ông Nguyễn Văn Hiền | Thành viên |
| • Ông Phạm Văn Tiến | Thành viên |

Ban kiểm soát:

- | | |
|------------------------|------------|
| • Bà Nguyễn Thị Doan | Trưởng ban |
| • Bà Đinh Thị Ngọc San | Thành viên |
| • Bà Phạm Thị Thu Hoài | Thành viên |

Ban Tổng Giám đốc:

- | | |
|-------------------------|--|
| • Bà Phạm Thị Thuý Hạnh | Tổng Giám đốc - Người đại diện pháp luật |
| • Ông Nguyễn Văn Quyết | Phụ trách Phòng kế toán |

Kiểm toán viên độc lập

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 kèm theo của Công ty cổ phần Tập đoàn Khoáng Sản Á Cường được soát xét bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội tại Hà Nội (CN CPA HANOI).

Khái quát về công ty

Công ty cổ phần Tập đoàn Khoáng Sản Á Cường, gọi tắt là “Công ty”, tiền thân là Công ty TNHH Tam Cường. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 048157 lần đầu ngày 15/02/1996, và được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100511368 thay đổi lần thứ 24 ngày 14/12/2016. Doanh nghiệp đăng ký chuyển sang Công ty cổ phần ngày 16/09/2011.

Hình thức sở hữu vốn: Cổ phần.

Hoạt động chính của Công ty: Khai thác than, chế biến quặng đồng và tinh quặng, sản xuất và kinh doanh các sản phẩm đồng.

Mã chứng khoán niêm yết: ACM

Trụ sở chính: Thôn Góc Gạo, xã Cẩm Đàn, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang.

Theo đó:

Vốn điều lệ đăng ký của Công ty là: **560.000.000.000 đ (Năm trăm sáu mươi tỷ đồng chẵn).**

Vốn thực góp tới thời điểm 30/06/2017 là **510.000.000.000 đ (Năm trăm mười tỷ đồng chẵn).**

Theo nghị quyết số: 01/ACM/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05/07/2017 của Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông thường niên lần 02 năm 2017 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng Sản Á Cường, thông qua điều chỉnh vốn điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty là **510.000.000.000 đ (Năm trăm mười tỷ đồng chẵn)** cho đúng số vốn thực góp. Công ty đã gửi hồ sơ thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Lĩnh vực hoạt động: Công ty hoạt động trong lĩnh vực khai thác than, chế biến quặng đồng và tinh quặng, sản xuất và kinh doanh các sản phẩm đồng.

Ngành nghề kinh doanh:

Ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty là:

- Khai thác quặng nhôm, đồng, chì, kẽm, thiếc; Khai thác khí đốt tự nhiên; Khai thác dầu thô; Khai thác và thu gom than non, than cứng; khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Sản xuất hóa chất cơ bản; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất kim loại màu và kim loại quý; Sản xuất than cốc; Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại; Chuẩn bị mặt bằng;
- Bán buôn, bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác; Bán buôn dầu thô; Bán buôn xăng dầu, khí đốt và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác; Bán buôn vải, hàng may sẵn giày dép;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; Dịch vụ liên quan đến in; In ấn; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác; Đại lý, môi giới; Dịch vụ vận tải;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng nhà các loại.

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Số liệu về tình hình tài chính tại ngày 30/06/2017 và kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này từ trang 01 đến trang 29.

Tại báo cáo này Ban Tổng Giám đốc Công ty xin khẳng định những vấn đề sau đây:

- Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính một cách trung thực và hợp lý;

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHOÁNG SẢN Á CƯỜNG

Địa chỉ: Thôn Gốc Gạo, xã Cẩm Đàn, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 0240.222.6669

- Chúng tôi đã cung cấp toàn bộ các tài liệu kế toán cần thiết cho các Kiểm toán viên và chịu trách nhiệm về tính trung thực của các tài liệu đã cung cấp;
- Việc thiết lập và duy trì một hệ thống kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ có hiệu lực, để thực thi công việc quản lý là thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc;
- Tài sản mà Công ty đang nắm giữ là thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Công ty và không có bất kỳ một sự kiện nào có thể dẫn tới việc tranh chấp các tài sản mà Công ty đang sử dụng;
- Chúng tôi không có bất kỳ một kế hoạch dự tính nào có thể làm sai lệch đáng kể số liệu kế toán hoặc cách phân loại tài sản và khoản nợ đã được phản ánh trong Báo cáo tài chính;
- Chúng tôi không có bất kỳ một kế hoạch nào nhằm ngừng xây dựng các công trình đang dở dang cũng không có một kế hoạch hay dự tính nào có thể dẫn đến tình trạng hàng tồn kho ứ đọng hoặc lạc hậu và không có bất kỳ khoản hàng tồn kho nào được hạch toán với giá trị cao hơn giá trị thực hiện thuần;
- Báo cáo tài chính đã phản ánh một cách trung thực về tình hình tài sản, công nợ và nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty tại ngày 30/06/2017, cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017;
- Báo cáo tài chính đã được lập phù hợp với các Chính sách kế toán đã được trình bày trong thuyết minh Báo cáo tài chính và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Chúng tôi khẳng định rằng Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch kinh doanh của mình trong các giai đoạn tiếp theo.

Thay mặt và đại diện cho Ban lãnh đạo

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHOÁNG SẢN Á CƯỜNG



PHẠM THỊ THUÝ HẠNH

Tổng Giám đốc

Bắc Giang, ngày 15 tháng 07 năm 2017



Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2017

Số: 01 /2017/BCKT/BCTC – CN CPA HANOI

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHOÁNG SẢN Á CƯỜNG

cho kỳ kế toán từ 01/01/2017 đến 30/06/2017

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Công ty cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Á Cường.

Chúng tôi, Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội tại Hà Nội (CPA HANOI) đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2017 của Công ty cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Á Cường bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2017, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến 30/6/2017 như đã trình bày từ trang 06 đến trang 29.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra nhận xét về Báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo này được lập thành 06 bản có giá trị như nhau. Công ty cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Á Cường giữ 05 bản, Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội tại Hà Nội giữ 01 bản.

**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ
TOÁN HÀ NỘI TẠI HÀ NỘI (CN CPAHANOI)**

Tổng Giám đốc



Nguyễn Tuy

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

Số: 0384-2015-016-1/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		261.833.835.810	257.941.169.836
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	2.135.313.888	8.760.560.378
1. Tiền	111		2.135.313.888	8.760.560.378
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		156.173.940.630	159.766.344.282
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	139.708.940.630	143.424.653.782
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	1.265.000.000	1.135.000.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	15.200.000.000	15.206.690.500
IV. Hàng tồn kho	140		102.183.590.845	88.074.790.778
1. Hàng tồn kho	141	V.5	102.183.590.845	88.074.790.778
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.340.990.447	1.339.474.398
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.320.589.033	1.319.072.984
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		20.401.414	20.401.414
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		414.090.454.073	424.586.975.476
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		43.484.000.000	43.484.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.6	43.484.000.000	43.484.000.000
II. Tài sản cố định	220		257.581.205.592	267.973.331.130
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	257.581.205.592	267.973.331.130
<i>Nguyên giá</i>	222		317.562.853.006	317.562.853.006
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(59.981.647.414)	(49.589.521.876)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		58.057.523.952	62.040.518.752
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.8	58.057.523.952	62.040.518.752
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		50.000.000.000	50.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.9	50.000.000.000	50.000.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		4.967.724.529	1.089.125.594
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	4.967.724.529	1.089.125.594
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		675.924.289.883	682.528.145.312

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: đồng


NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		138.064.006.128	143.551.770.949
I. Nợ ngắn hạn	310		92.594.599.550	98.082.364.371
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	18.334.833.348	27.123.085.759
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12a	6.048.478.819	6.031.806.902
4. Phải trả người lao động	314		110.778.466	891.046.658
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	7.566.209.401	3.752.517.036
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	26.402.705.067	26.152.313.567
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15a	33.037.594.449	33.037.594.449
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.094.000.000	1.094.000.000
II. Nợ dài hạn	330		45.469.406.578	45.469.406.578
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15b	45.469.406.578	45.469.406.578
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		537.860.283.755	538.976.374.363
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	537.860.283.755	538.976.374.363
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		510.000.000.000	510.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		510.000.000.000	510.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.800.000.000	1.800.000.000
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		26.060.283.755	27.176.374.363
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		27.321.508.363	18.514.699.215
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		(1.261.224.608)	8.661.675.148
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		675.924.289.883	682.528.145.312

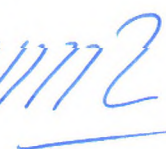
Bắc Giang, ngày 15 tháng 07 năm 2017

Người lập biểu

Phụ trách phòng kế toán

Tổng Giám đốc



Đinh Ngọc San

Nguyễn Văn Quyết

Phạm Thị Thúy Hạnh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm 2017	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	3.274.011.000	66.309.828.082	11.279.689.000	106.310.196.513
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.2	3.274.011.000	66.309.828.082	11.279.689.000	106.310.196.513
3. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	2.152.774.899	53.757.598.237	7.632.913.567	86.003.359.697
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.121.236.101	12.552.229.845	3.646.775.433	20.306.836.816
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	30.312	106.423	50.544	337.651
6. Chi phí tài chính	22	VI.5	1.907.044.982	2.045.500.522	3.813.692.365	4.173.336.032
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.907.044.982	2.045.500.522	3.813.692.365	4.120.066.492
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	601.696.946	788.498.939	1.128.476.947	1.462.563.131
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(1.387.475.515)	9.718.336.807	(1.295.343.335)	14.671.275.304
9. Thu nhập khác	31	VI.7	45.000.000	1.323	65.680.000	1.323
10. Chi phí khác	32	VI.8	3.999.999	871.746.860	14.889.356	1.322.972.388
11. Lợi nhuận khác	40		41.000.001	(871.745.537)	50.790.644	(1.322.971.065)
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(1.346.475.514)	8.846.591.270	(1.244.552.691)	13.348.304.239
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	-	1.072.983.316	16.671.917	1.566.320.416
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.10	-	(115.186.727)	-	(115.186.727)
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(1.346.475.514)	7.888.794.681	(1.261.224.608)	11.897.170.550
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	-	15.468	-	23.328
17. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.12	(26.401)	-	(24.730)	-

Bắc Giang, ngày 15 tháng 07 năm 2017

Người lập biểu

Phụ trách phòng kế toán



Đinh Ngọc San



Nguyễn Văn Quyết



Tổng Giám đốc

Phạm Thị Thúy Hạnh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Đơn vị tính: đồng

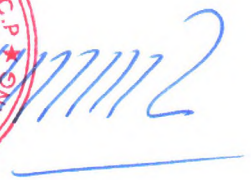
TT	Chỉ tiêu	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm 2017	Năm 2016
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	5.214.269.300	35.508.108.913
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá dịch vụ	02	(10.307.345.810)	(53.173.394.717)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03	(1.514.319.342)	(3.741.934.195)
4.	Tiền lãi vay đã trả	04	0	(4.181.766.591)
5.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	20.680.000	12.922.723.008
6.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(38.581.182)	(2.325.000.991)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(6.625.297.034)	(14.991.264.573)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ & các tài sản dài hạn khác	21	0	(7.170.515.549)
2.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	0	(84.000.000)
3.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	0	40.000.000.000
4.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	50.544	337.651
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	50.544	32.745.822.102
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
2.	Tiền thu từ đi vay	33	0	9.187.964.023
3.	Tiền trả nợ gốc vay	34	0	(14.671.914.992)
4.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	0	0
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	0	(5.483.950.969)
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(6.625.246.490)	12.270.606.560
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	8.760.560.378	3.016.578.792
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	2.135.313.888	15.287.185.352

Bắc Giang, ngày 15 tháng 07 năm 2017

Người lập biểu

Phụ trách phòng kế toán

Tổng Giám đốc



Đinh Ngọc San

Nguyễn Văn Quyết

Phạm Thị Thúy Hạnh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

I- ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1- Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Á Cường (sau đây viết tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty TNHH Tam Cường. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 048157 lần đầu ngày 15/02/1996, và được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100511368 thay đổi lần thứ 24 ngày 14/12/2016. Doanh nghiệp đăng ký chuyển đổi sang công ty cổ phần ngày 16/9/2011.

Mã chứng khoán niêm yết: ACM

Trụ sở: Thôn Gốc Gạo, xã Cẩm Đàn, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang.

Hình thức sở hữu vốn: Cổ phần

Vốn thực góp tới thời điểm lập báo cáo là **510.000.000.000** đồng (*Năm trăm mười tỷ đồng chẵn*).

Cơ cấu Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Á Cường bao gồm:

- Văn phòng Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Á Cường có trụ sở tại thôn Gốc Gạo, xã Cẩm Đàn, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Á Cường tại Bắc Giang có trụ sở tại thôn Gốc Gạo, xã Cẩm Đàn, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang: Chi nhánh được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh với mã số là 0100511368-004, đăng ký lần đầu ngày 26/6/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 31/3/2014;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Á Cường - Mỏ than Đồng Tàn có trụ sở tại thôn Lái, xã An Bá, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang: Chi nhánh được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh với mã số là 0100511368-005, đăng ký lần đầu ngày 22/7/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 19/11/2012.
- Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Á Cường tại Hà Nội có trụ sở tại Số 5 Nguyễn Khắc Nhu, Phường Nguyễn Trung Trực, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Văn phòng đại diện được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện với mã số là 0100511368-006, đăng ký lần đầu ngày 23/11/2015.
- Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Á Cường tại Hà Nội có trụ sở tại Số 4 Lò Rèn, Phường Hàng Bò, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội. Văn phòng đại diện được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện với mã số là 0100511368-007, đăng ký lần đầu ngày 04/07/2017.

2- Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là khai thác than, chế biến quặng đồng và tinh quặng, sản xuất và kinh doanh các sản phẩm đồng.

3- Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty là:

- Khai thác quặng nhôm, đồng, chì, kẽm, thiếc; Khai thác khí đốt tự nhiên; Khai thác dầu thô; Khai thác và thu gom than non, than cứng; khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3- Ngành nghề kinh doanh (tiếp theo)

- Sản xuất hóa chất cơ bản; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất kim loại màu và kim loại quý; Sản xuất than cốc; Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại; Chuẩn bị mặt bằng;
- Bán buôn, bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác; Bán buôn dầu thô; Bán buôn xăng dầu, khí đốt và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác; Bán buôn vải, hàng may sẵn giày dép;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; Dịch vụ liên quan đến in; In ấn; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác; Đại lý, môi giới; Dịch vụ vận tải;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng nhà các loại.

4- Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

5- Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

II- KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1- Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán giữa niên độ từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 hàng năm.

2- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (đồng) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

III- CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1- Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính.

2- Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán áp dụng

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo cáo tài chính".

IV- CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Các khoản tiền được ghi nhận trong Báo cáo tài chính giữa niên độ gồm: Tiền mặt, tiền gửi thanh toán tại các ngân hàng, tại công ty chứng khoán đảm bảo đã được kiểm kê, có đối chiếu xác nhận đầy đủ tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

2- Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận khi công ty nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của các Công ty được đầu tư, có ảnh hưởng đáng kể trong các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động tại các công ty này. Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được phản ánh trên báo cáo tài chính theo phương pháp giá gốc.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận dưới các hình thức Công ty đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có) như: Chi phí giao dịch, môi giới, tư vấn, kiểm toán, lệ phí, thuế và phí ngân hàng... Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư

Dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết và đơn vị khác: Là khoản dự phòng tổn thất do doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

Riêng khoản đầu tư mà Công ty nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư, việc lập dự phòng được thực hiện như sau:

+ Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

+ Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

Căn cứ để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết và đơn vị khác là báo cáo tài chính hợp nhất của công ty được đầu tư nếu công ty này là công ty mẹ, và là báo cáo tài chính của công ty được đầu tư nếu công ty này là doanh nghiệp độc lập không có công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3- Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu: theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi: dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán.

4- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Phương pháp bình quân gia quyền.

Hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

5- Nguyên tắc ghi nhận và tính khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)

5.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình mua sắm

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Tài sản cố định hữu hình do góp vốn

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình nhận góp vốn, nhận lại vốn góp là giá trị do các thành viên, cổ đông sáng lập định giá nhất trí hoặc doanh nghiệp và người góp vốn thỏa thuận hoặc do tổ chức chuyên nghiệp định giá theo quy định của pháp luật và được các thành viên, cổ đông sáng lập chấp thuận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***5- Nguyên tắc ghi nhận và tính khấu hao tài sản cố định (TSCĐ) (tiếp theo)****5.2 Phương pháp khấu hao TSCĐ**

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:

<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>5 - 30 năm</i>
<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>3 - 10 năm</i>
<i>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</i>	<i>6 - 10 năm</i>
<i>Thiết bị, dụng cụ quản lý</i>	<i>3 - 8 năm</i>
<i>Tài sản cố định hữu hình khác</i>	<i>4 - 20 năm</i>

6- Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm: chi phí mua sắm mới tài sản cố định, xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình.

Chi phí này được kết chuyển ghi tăng tài sản khi công trình hoàn thành, việc nghiệm thu tổng thể đã thực hiện xong, tài sản được bàn giao và đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

7- Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Công ty ghi nhận các khoản mang đi góp vốn vào BCC ban đầu theo giá gốc và phản ánh là nợ phải thu khác.

BCC phân chia lợi nhuận

Nếu BCC quy định các bên khác trong BCC chỉ được phân chia lợi nhuận nếu kết quả hoạt động của BCC có lãi, đồng thời phải gánh chịu lỗ; Công ty ghi nhận phần doanh thu, chi phí tương ứng với phần mình được chia từ BCC.

8- Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước tại Công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ từ 12 tháng đến 36 tháng.

9- Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán (là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết).

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9- Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả (tiếp theo)

Nợ phải trả cho người bán, người cung cấp, người nhận thầu xây lắp được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Trong chi tiết từng đối tượng phải trả, tài khoản này phản ánh cả số tiền đã ứng trước cho người bán, người cung cấp, người nhận thầu xây lắp nhưng chưa nhận được sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao.

10- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp được ghi nhận như khoản chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện quy định tại Chuẩn mực kế toán số 16 "Chi phí đi vay".

11- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ mà Công ty đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế Công ty chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo, như: chi phí phải trả về thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát; chi phí lãi tiền vay; chi phí để tạm tính giá vốn hàng hóa, thành phẩm.

12- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu: Nguồn vốn kinh doanh được hình thành từ số tiền mà các cổ đông đã góp vốn mua cổ phần, cổ phiếu, hoặc được bổ sung từ lợi nhuận sau thuế theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Nguồn vốn kinh doanh được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

13- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; 4. Doanh nghiệp đã thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận thỏa mãn đồng thời 02 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 - *Doanh thu và thu nhập khác*, bao gồm: lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thông báo lãi tiền gửi hàng tháng của ngân hàng, cổ tức lợi nhuận được chia, lãi chênh lệch tỷ giá thực hiện, lãi thu được từ hoạt động kinh doanh chứng khoán.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

14- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của hàng hóa; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp nghiệm thu trong kỳ. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu do nó tạo ra được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp.

15- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính bao gồm: Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm; các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư; dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán và các khoản chi phí đầu tư tài chính khác.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

16- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định gồm tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ kế toán.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (hoặc thu hồi được) tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành theo luật thuế TNDN hiện hành được ghi nhận.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 20121000046 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang lần đầu ngày 06/11/2007, thay đổi lần thứ 01 ngày 25/9/2012 về việc đầu tư Nhà máy tuyển và luyện đồng công suất 1.000 tấn/năm tại xã Cẩm Đàn, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang thì dự án của Công ty thuộc phụ lục A - danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư và phụ lục B - danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư; ngoài ra theo quy định đối với hoạt động đầu tư có lắp đặt dây chuyền sản xuất mới, đổi mới công nghệ, cải thiện môi trường sinh thái, nâng cao năng lực sản xuất Văn phòng Công ty sẽ được miễn 02 năm và giảm 50% số thuế phải nộp cho 03 năm tiếp theo tính từ năm dự án đầu tư hoàn thành đưa vào sản xuất, kinh doanh có thu nhập. Dự án đã hoàn thành xây dựng và đi vào hoạt động vào tháng 3/2013, tuy nhiên trong năm 2013 Công ty được

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (tiếp theo)

chuyển lỗ từ các năm trước nên không có thu nhập tính thuế. Vì vậy, Văn phòng Công ty thực hiện áp dụng miễn Thuế TNDN trong 02 năm 2014 và 2015; giảm thuế TNDN trong 03 năm tiếp theo.

Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Á Cường - Mỏ than Đồng Tân và Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Á Cường tại Bắc Giang không được ưu đãi thuế TDNN như trên.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

17- Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, các tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi quy định tại Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, các khoản phải trả khác, các khoản vay ngắn hạn và dài hạn.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tình hình tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***18- Các bên liên quan**

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

19- Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Thuế GTGT: Công ty thực hiện nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế GTGT áp dụng là 10%.

Các loại thuế, phí khác thực hiện theo quy định về thuế, phí hiện hành của Nhà nước.

V- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN*Đơn vị tính: đồng***1- Tiền**

	30/06/2017	01/01/2017
Tiền	2.135.313.888	8.760.560.378
Tiền mặt và các khoản tương đương tiền	2.135.313.888	8.745.351.264
Cộng	2.135.313.888	8.760.560.378

2- Phải thu của khách hàng

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty TNHH Đầu tư phát triển DHA Hà Nội	52.683.743.350	-	47.183.523.350	-
Công ty TNHH Kim Loại màu Vũ Gia	47.057.894.430	-	47.057.894.430	-
Công ty TNHH Lê Giang	37.385.530.350	-	40.209.140.350	-
Công ty TNHH Đầu tư Nhật Quân	-	-	4.438.341.652	-
Công ty CP Khai thác chế biến KS Thăng Long	2.213.442.000	-	-	-
Công ty CP TM XNK Thiên Phú	190.376.700	-	-	-
Đối tượng khác	177.953.800	-	4.535.754.000	-
Cộng	139.708.940.630	-	143.424.653.782	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3- Trả trước cho người bán

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty CP tư vấn tài nguyên và môi trường Việt Nam	365.000.000	-	235.000.000	-
Công ty TNHH MTV Xây lắp Bắc Giang	500.000.000	-	500.000.000	-
Trả trước cho các đối tượng khác	400.000.000	-	400.000.000	-
Cộng	1.265.000.000	-	1.135.000.000	-

4- Phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	15.200.000.000	-	15.200.000.000	-
Ông Nguyễn Xuân Thanh	6.700.000.000	-	6.700.000.000	-
Bà Phạm Thị Thúy Hạnh	8.500.000.000	-	8.500.000.000	-
Phải thu khác	-	-	6.690.500	-
Cộng	15.200.000.000	-	15.206.690.500	-

5- Hàng tồn kho

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	53.147.508.011	-	43.599.453.945	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	-	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	22.979.351.528	-	44.301.803.052	-
Thành phẩm	26.056.731.306	-	173.533.781	-
Cộng	102.183.590.845	-	88.074.790.778	-

6- Đầu tư dài hạn khác

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty Cổ phần Đô Linh (*)	43.484.000.000	-	43.484.000.000	-
Cộng	43.484.000.000	-	43.484.000.000	-

(*): Theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư lần đầu số 0644603665 ngày 12/4/2016 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An chứng nhận dự án khai thác, sản xuất và chế biến quặng vàng gốc tại khu Tà Sỏi, xã Châu Hạnh, huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An đối với Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Á Cường và Công ty Cổ phần Đô Linh.

Tổng vốn đầu tư của dự án là 330,22 tỷ đồng trong đó:

- Vốn góp để thực hiện dự án là 89,5 tỷ đồng, chiếm 27,0% tổng vốn đầu tư.
 - + Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Á Cường góp 80,55 tỷ đồng, chiếm 90% vốn góp.
 - + Công ty Cổ phần Đô Linh góp 8,95 tỷ đồng, chiếm 10% vốn góp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Phần còn lại là vốn huy động để thực hiện dự án là 240,72 tỷ đồng.

Thời gian hoạt động: 50 năm kể từ ngày nhận được bàn giao mặt bằng.

7- Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2017	85.795.043.005	63.060.964.475	6.675.401.697	59.806.000	161.971.637.829	317.562.853.006
Tại ngày 30/06/2017	85.795.043.005	63.060.964.475	6.675.401.697	59.806.000	161.971.637.829	317.562.853.006
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2017	8.495.038.820	19.589.594.463	3.159.710.633	59.806.000	18.290.371.958	49.594.521.874
Khấu hao trong kỳ	1.972.002.396	3.199.651.656	451.599.780	-	4.763.871.708	10.387.125.540
Tại ngày 30/06/2017	10.467.041.216	22.789.246.119	3.611.310.413	59.806.000	23.054.243.666	59.981.647.414
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2017	77.300.004.185	43.471.370.012	3.515.691.064	-	143.681.265.871	267.968.331.132
Tại ngày 30/06/2017	75.328.001.789	40.271.718.356	3.064.091.284	-	138.917.394.163	257.581.205.592

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao tại ngày 30/06/2017 nhưng vẫn còn sử dụng là: **321.076.000 đồng**;

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình tại ngày 30/06/2017 chờ thanh lý: **0 đồng**.

8- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2017	01/01/2017
Chi phí xây dựng hệ thống kè, đập	8.820.993.284	8.820.993.284
Chi phí xây dựng "Nhà máy tuyển và luyện đồng theo phương pháp tuyển nổi công suất 500 tấn/ngày"	46.682.316.936	46.682.316.936
Chi phí dự án "Đầu tư, xây dựng Nhà máy luyện đồng công suất 1000 tấn/năm"	2.554.213.732	6.537.208.532
Cộng	58.057.523.952	62.040.518.752

9- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	30/06/2017			01/01/2017		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
a- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết						
Công ty CP Tập đoàn khoáng sản Tam Cường	50.000.000.000	-	50.000.000.000	50.000.000.000	-	50.000.000.000
Cộng	50.000.000.000	-	50.000.000.000	50.000.000.000	-	50.000.000.000

(a): Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0102264114 ngày 17/05/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Tam Cường và thay đổi lần thứ 12 ngày 03/07/2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Trong đó:

- Căn cứ theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 1001/HĐCN.CP giữa Ông Nguyễn Xuân Thanh và Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Á Cường ngày 15/01/2015: về việc chuyển nhượng 500.000 cổ phần đang nắm giữ tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Tam Cường tương ứng với số tiền 50 tỷ đồng, chiếm 25% vốn điều lệ.
- Căn cứ theo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Tam Cường cho thấy Công ty đang hoạt động kinh doanh có lợi nhuận nên khoản đầu vào công ty này chưa cần trích lập dự phòng.

10- Chi phí trả trước

	30/06/2017	01/01/2017
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	550.594.157	871.792.261
Phí cấp quyền khai thác tài nguyên	209.333.333	217.333.333
Phí thăm dò mỏ	454.545.455	-
Phí đền bù giải phóng mặt bằng	2.838.802.833	-
Phí thuê đất	914.448.751	-
Cộng	4.967.724.529	1.089.125.594

11- Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH TM & DV Sài Thành	3.761.500.000	3.761.500.000	3.761.500.000	3.761.500.000
Công ty TNHH Ngọc Diệp	1.471.558.706	1.471.558.706	1.471.558.706	1.471.558.706
Công ty Cổ phần Đại Đồng Xuân	430.660.324	430.660.324	433.023.054	433.023.054
DNTN Dương Hải Anh	377.565.613	377.565.613	377.565.613	377.565.613
DNTN Hà Duy	1.180.674.000	1.180.674.000	1.180.674.000	1.180.674.000
Công ty TNHH Đầu tư Nhật Quân	4.620.014.648	4.620.014.648	9.350.154.000	9.350.154.000
Công ty Cảnh phong - TNHH	5.802.558.630	5.802.558.630	8.997.301.030	8.997.301.030
Phải trả các đối tượng khác	690.301.427	690.301.427	1.551.309.356	1.551.309.356
Cộng	18.334.833.348	18.334.833.348	27.123.085.759	27.123.085.759

12- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2017	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/06/2017
a- Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	4.362.358.701	-	-	4.362.358.701
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.209.742.082	16.671.917	-	1.226.413.999
Thuế tài nguyên	175.591.320	-	-	175.591.320
Phí bảo vệ môi trường	144.284.400	-	-	144.284.400
Thuế Thu nhập cá nhân	25.330.399	-	-	25.330.399
Thuế môn bài	-	5.000.000	5.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Phí khai thác tài nguyên, phí khác	114.500.000	-	-	114.500.000
Cộng	6.031.806.902	21.671.917	5.000.000	6.048.478.819

b- Phải thu

Thuế tài nguyên CN Bắc Giang	20.401.414	-	-	20.401.414
Cộng	20.401.414	-	-	20.401.414

13- Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
a- Ngắn hạn		
Trích trước chi phí lãi vay	7.566.209.401	3.752.517.036
Cộng	7.566.209.401	3.752.517.036

14- Phải trả ngắn hạn khác

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
Kinh phí công đoàn	-	19.206.000
Bảo hiểm xã hội	261.786.406	433.308.406
Bảo hiểm y tế	39.822.648	69.509.148
Bảo hiểm thất nghiệp	19.096.013	32.290.013
Phải trả về cổ tức theo Nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2016	25.500.000.000	25.500.000.000
Thù lao thành viên Hội đồng quản trị	582.000.000	98.000.000
	26.402.705.067	26.152.313.567

15- Vay và nợ thuê tài chính

	<u>01/01/2017</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Tăng</u>	<u>Giảm</u>	<u>30/06/2017</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
a- Ngắn hạn (*)						
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Tây Hồ	33.037.594.449	33.037.594.449	-	-	33.037.594.449	33.037.594.449
Cộng	33.037.594.449	33.037.594.449	-	-	33.037.594.449	33.037.594.449
b- Dài hạn (**)						
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Tây Hồ	45.469.406.578	45.469.406.578	-	-	45.469.406.578	45.469.406.578
Cộng	45.469.406.578	45.469.406.578	-	-	45.469.406.578	45.469.406.578

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

(*) Chi tiết hợp đồng vay ngắn hạn:

Số hợp đồng	Ngày hợp đồng	Hạn mức	Mục đích vay	Tài sản bảo đảm	Lãi suất	Thời hạn vay	Dư gốc vay tại 30/06/2017
02/2013/HĐ	02/12/2013	45.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất đồng tấm, khoáng sản đi kèm và khai thác Than	Thế chấp, cầm cố bằng các tài sản thuộc quyền sở hữu; Các tài sản hình thành bằng vốn vay;	Thả nổi	Theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể	
01/2015/2635737/HĐTD	18/12/2015	15.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh (vay ngắn hạn, mở LC và bảo lãnh thanh toán)	Toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng VND và ngoại tệ; Các khoản thu theo các Hợp đồng kinh tế với bên vay là người thụ hưởng.	Thả nổi	Theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể	33.037.594.449
01/2014/2635737/HĐTD	27/6/2014	15.697.000.000	Bù đắp phần vốn ngắn hạn đã đầu tư vào Dự án mở rộng nhà máy tuyển và luyện đồng theo phương pháp tuyển nổi và tuyển từ tại nhà máy tuyển và luyện đồng huyện Sơn Động, Bắc Giang		Thả nổi	từ 28/6/2014	

(): Chi tiết hợp đồng vay dài hạn**

Số hợp đồng	Ngày hợp đồng	Hạn mức	Mục đích vay	Tài sản bảo đảm	Lãi suất	Thời hạn vay	Dư gốc vay tại 30/06/2017
01/2009/2635737/HĐTDTH	24/11/2009	30.000.000.000	Thực hiện đầu tư dự án "Dự án đầu tư nhà máy tuyển và luyện đồng công suất 1.550 tấn/năm giai đoạn 2 - Hòa luyện - phần thiết bị của Công ty TNHH Tam Cường".	- Thế chấp bằng toàn bộ máy móc, thiết bị được đầu tư bằng vốn tự có, vốn vay và vốn khác vào giai đoạn 2 - Hòa Luyện - Thế chấp bằng toàn bộ tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất; Số dư tài khoản tiền gửi tại ngân hàng; Doanh thu từ dự án chuyển vào tiền gửi thanh toán mở tại Chi nhánh; Các khoản thu	Thả nổi	120 tháng	45.469.406.578

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

theo các Hợp đồng kinh tế với bên vay là người thụ hưởng.

02/2013/ HD	02/12/2013	45.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất đồng tấm, khoáng sản đi kèm và khai thác Than	Thế chấp, cầm cố bằng tài sản của bên vay và các tài sản được hình thành từ vốn vay; Số dư tài khoản tiền gửi tại ngân hàng; Các khoản thu hợp pháp mà bên vay là người thụ hưởng	Thả nổi	Theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể
----------------	------------	----------------	---	---	---------	------------------------------------

16- Vốn chủ sở hữu

a- Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Quỹ đầu tư phát triển	Cộng
Kỳ kế toán từ 01/01/2016 đến 30/06/2016				
Số dư tại ngày 01/01/2016	510.000.000.000	46.914.699.215	-	556.914.699.215
Lãi trong kỳ	-	11.897.170.550	-	11.897.170.550
Phân phối lợi nhuận (*)	-	(15.650.000.000)	-	-
Tăng các quỹ trong kỳ	-	-	1.800.000.000	1.800.000.000
Số dư tại ngày 30/06/2016	510.000.000.000	43.161.869.765	1.800.000.000	554.961.869.765
Kỳ kế toán từ 01/01/2017 đến 30/06/2017				
Số dư tại ngày 01/01/2017	510.000.000.000	27.321.508.363	1.800.000.000	539.121.508.363
Lãi trong kỳ	-	(1.261.224.608)	-	(1.261.224.608)
Tăng LN kỳ trước	-	-	-	-
Số dư tại ngày 30/06/2017	510.000.000.000	26.060.283.755	1.800.000.000	537.860.283.755

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b- Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
Vốn góp của các cổ đông	510.000.000.000	510.000.000.000
Cộng	510.000.000.000	510.000.000.000
Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận		
	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	510.000.000.000	120.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	390.000.000.000
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	510.000.000.000	510.000.000.000
Cổ tức lợi nhuận đã chia	-	6.000.000.000
Cổ tức để chi trả theo HĐCĐ năm 2016	25.500.000.000	-

c- Cổ phiếu

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	<u>CP</u>	<u>CP</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	56.000.000	56.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	51.000.000	51.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	51.000.000	51.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	51.000.000	51.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	51.000.000	51.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000	10.000

17- Các quỹ của doanh nghiệp

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
Quỹ đầu tư phát triển	1.800.000.000	1.800.000.000
Quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi	1.094.000.000	1.094.000.000
	2.894.000.000	2.894.000.000

*** Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***VI- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH***Đơn vị tính: đồng***1- Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
Doanh thu thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ	11.279.689.000	106.310.196.513
Cộng	11.279.689.000	106.310.196.513

2- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
Doanh thu thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ	11.279.689.000	106.310.196.513
Cộng	11.279.689.000	106.310.196.513

3- Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
Giá vốn thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ	7.632.913.567	86.003.359.697
Cộng	7.632.913.567	86.003.359.697

4- Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	50.544	337.651
Cộng	50.544	337.651

5- Chi phí hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
Lãi tiền vay	3.813.692.365	4.120.066.492
Lãi chậm trả	-	53.269.540
Cộng	3.813.692.365	4.173.336.032

6- Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
Chi phí nhân viên	702.826.535	843.446.387
Chi phí khấu hao TSCĐ	207.098.760	207.098.760
Thuế, phí, lệ phí	5.000.000	19.968.703
Chi phí dịch vụ mua ngoài	213.551.652	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Chi phí bằng tiền khác	-	392.049.281
Cộng	1.128.476.947	1.462.563.131
7- Thu nhập khác		
	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
Thu nhập khác	65.680.000	1.323
Cộng	65.680.000	1.323
8- Chi phí khác		
	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
Giá trị khấu hao/Phân bổ trong kỳ của TSCĐ, CCDC không phục vụ sản xuất kinh doanh	14.889.356	1.322.972.388
Cộng	14.889.356	1.322.972.388
9- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp		
	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(1.244.552.691)	13.348.304.239
Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập tính thuế	14.889.356	1.376.241.928
- Giá trị khấu hao/Phân bổ trong kỳ của TSCĐ, CCDC không phục vụ sản xuất kinh doanh	14.889.356	894.568.272
- Chi phí không hợp lý, hợp lệ	-	481.673.656
Tổng lợi nhuận tính thuế	(1.229.663.335)	12.547.995.941
+ Chi nhánh Công ty tại Bắc Giang	(1.195.607.974)	(321.142.738)
+ Chi nhánh mỏ than Đông Tân	(51.739.255)	(200.577.752)
+ Văn phòng Công TY	(47.229.064)	13.924.237.869
Thuế TNDN tương ứng phần thu nhập về hàng hóa, dịch vụ chịu thuế 20%	-	295.610.958

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

Thuế TNDN quý I	16.671.917	-
Thuế TNDN được ưu đãi	-	1.471.881.968
Thuế TNDN phải nộp	-	1.767.492.926
Chi phí thuế TNDN hiện hành	16.671.917	1.767.492.926

10- Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	466.275.667	64.647.309.235
Chi phí nhân công	1.161.419.900	3.552.094.905
Chi phí khấu hao TSCĐ	10.387.149.144	9.485.997.251
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.073.323.443	4.490.960.343
Chi phí khác bằng tiền	5.000.000	601.116.889
Cộng	13.093.168.154	82.777.478.623

VII- NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1- Giao dịch với bên liên quan****Thông tin chung về các bên liên quan****Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Tam Cường**

Trụ sở chính: Số 5 Nguyễn Khắc Nhu, Phường Nguyễn Trung Trực, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Tam Cường là Công ty liên kết của Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Á Cường với tỷ lệ sở hữu vốn và biểu quyết là 25%.

Ông Phạm Văn Tiến

Ông Phạm Văn Tiến là Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Tam Cường; đồng thời Ông Tiến có nắm giữ cổ phần và là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Á Cường.

Ông Nguyễn Xuân Thanh

Ông Nguyễn Xuân Thanh là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Á Cường; đồng thời ông Thanh có nắm giữ cổ phần tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Tam Cường

Các giao dịch trọng yếu và số dư với các bên liên quan trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 như sau:

Đơn vị tính: đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHOÁNG SẢN Á CƯỜNG

Địa chỉ: Thôn Gốc Gạo, xã Cẩm Đàn, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 0240.222.6669

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Số dư đầu kỳ	Phát sinh tăng trong kỳ	Phát sinh giảm trong kỳ	Số dư cuối kỳ
Ông Nguyễn Xuân Thanh	Chủ tịch HĐQT	Tạm ứng	-	6,700,000,000	-	6,700,000,000
Bà Phạm Thị Thúy Hạnh	Tổng giám đốc	Tạm ứng	-	8,500,000,000	-	8,500,000,000

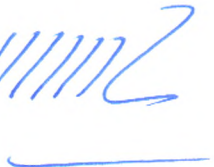
Bắc Giang, ngày 15 tháng 07 năm 2017

Người lập biểu

Phụ trách phòng kế toán

Tổng Giám đốc



Đinh Ngọc San

Nguyễn Văn Quyết

Phạm Thị Thúy Hạnh